

**QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ
số 251/1998/QĐ-TTg ngày 25/12/1998
về việc phê duyệt Chương trình phát
triển xuất khẩu thủy sản đến năm
2005.**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng
9 năm 1992;*

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thủy sản,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình phát triển xuất
khẩu thủy sản đến năm 2005 với các nội dung sau:

I. MỤC TIÊU

- Đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại
hóa ngành thủy sản, đưa kim ngạch xuất khẩu
thủy sản tăng nhanh, đạt 1,1 tỷ USD vào năm 2000
và 2 tỷ USD vào năm 2005; đưa kinh tế thủy sản
phát triển thành ngành mũi nhọn trong nền kinh
tế đất nước, tạo thêm nhiều việc làm, góp phần
nâng cao đời sống nhân dân, cải thiện bộ mặt nông
thôn và ven biển, đồng thời góp phần giải quyết các
vấn đề về môi trường sinh thái;

- Gắn chế biến, xuất khẩu thủy sản với nuôi
trồng, khai thác, bảo quản nguyên liệu và tiêu thụ
sản phẩm, tạo cơ sở vững chắc cho sản xuất và khai
thác có hiệu quả tiềm năng thủy sản, nâng cao
chất lượng, giảm giá thành, tăng hiệu quả và tăng
tích lũy để tái sản xuất mở rộng, nâng cao khả
năng cạnh tranh, giữ vững và phát triển thị trường
tiêu thụ hàng thủy sản Việt Nam.

II. NHIỆM VỤ

**1. Phát triển nuôi trồng, khai thác, đảm bảo đủ
nguyên liệu phục vụ chế biến xuất khẩu:**

a) Nuôi trồng thủy sản: Đưa nuôi trồng thủy sản
trở thành nguồn chính cung cấp nguyên liệu cho
xuất khẩu, cụ thể là:

- Phát triển nuôi tôm: chuyển dần từ nuôi quảng
canh sang quảng canh cải tiến, bán thâm canh và
thâm canh, khuyến khích các hình thức nuôi xen
canh, đồng thời hình thành các vùng nuôi tập trung
cao sản, phấn đấu đến năm 2000 đưa diện tích nuôi
tăng sản lên 175.000 ha, để có sản lượng tôm nuôi
từ 160.000 đến 180.000 tấn và đến năm 2005 diện
tích nuôi tôm tăng sản là 345.000 ha, chủ yếu nuôi
tôm sú, tôm càng để có sản lượng tôm nuôi từ
220.000 đến 240.000 tấn.

- Tổ chức rộng rãi việc nuôi cá biển có giá trị
xuất khẩu cao như: song, hồng, cam, giò, vược,
bống, bớp... bằng phương thức nuôi lồng bè và
nuôi cao triều để có sản lượng cá biển nuôi từ 4.000
đến 5.000 tấn vào năm 2000 và 8.000 đến 10.000
tấn vào năm 2005; đưa nhanh việc nuôi các loài
thủy đặc sản có giá trị xuất khẩu cao, chủ yếu là
nhuyễn thể hai mảnh vỏ như: nghêu, ngao, sò
lông, điệp, bào ngư, trai ngọc, hàu... ở các vùng ven
biển, để có sản lượng nhuyễn thể hai mảnh vỏ nuôi
đạt 100.000 tấn vào năm 2000 và 150.000 tấn vào
năm 2005.

- Mở rộng và khuyến khích việc nuôi các loài
thủy sản nước ngọt phục vụ xuất khẩu như cá rô
phi đơn tính, cá bống tượng, ba sa, cá tra, cá quả,
cá thác lác, ba ba, lươn, ếch... để đạt sản lượng trên
50.000 tấn vào năm 2000 và trên 100.000 tấn vào
năm 2005.

b) Khai thác hải sản:

- Tiếp tục cải tiến nghề nghiệp và công nghệ
khai thác hải sản, từng bước xây dựng đội tàu đánh

www.ThuVienPhapLuat.com
Tel: +84-8-3845 6684

cá xa bờ để khai thác hợp lý nguồn lợi ven bờ đi đôi với khai thác có hiệu quả nguồn lợi hải sản xa bờ, nhằm tăng nhanh tỷ trọng sản lượng hải sản có giá trị xuất khẩu trong tổng sản lượng hải sản khai thác, đạt 20% đến 22% vào năm 2000 và trên 22% đến 24% vào năm 2005.

- Tăng cường trang thiết bị và phương tiện bảo quản trên các tàu cá, từng bước đầu tư đóng mới đội tàu chuyên môn hóa để bảo quản, vận chuyển sản phẩm hải sản, cung cấp các dịch vụ ngoài khơi; xây dựng mới, nâng cấp hệ thống cảng cá, chợ cá để thay đổi công nghệ bảo quản sau thu hoạch, nhằm nâng cao chất lượng nguyên liệu chế biến xuất khẩu;

c) Khuyến khích việc nhập khẩu nguyên liệu thủy sản để chế biến tái xuất khẩu, tạo thêm việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, tăng kim ngạch xuất khẩu và sử dụng có hiệu quả công suất của các cơ sở chế biến.

Phấn đấu đến năm 2000 xuất khẩu đạt 195.000 tấn sản phẩm thủy sản, trong đó tôm 90.000 tấn, cá 60.000 tấn, nhuyễn thể 45.000 tấn và đến năm 2005 đạt 310.000 tấn, trong đó tôm 140.000 tấn, cá 100.000 tấn, nhuyễn thể 70.000 tấn; đồng thời tăng cường các mặt hàng xuất khẩu khác như cá hộp, các loại thực phẩm phối chế có gốc thủy sản và các đặc sản như cua, ghe, rong biển, trai ngọc...

2. Tăng cường năng lực chế biến phục vụ xuất khẩu:

Quy hoạch lại hệ thống các cơ sở chế biến thủy sản để tiếp tục đầu tư nâng cấp và xây dựng mới, cụ thể là:

- Đầu tư xây dựng mới một số cơ sở chế biến đi đôi với mở rộng, nâng cấp đồng bộ cả về cơ sở hạ tầng, điều kiện sản xuất, đổi mới công nghệ, đổi mới trang thiết bị, thực hiện đầu tư chiều sâu cho số cơ sở chế biến thủy sản hiện có, có đủ điều kiện mở rộng nâng cấp, trên cơ sở tính toán kỹ về hiệu quả kinh tế của từng cơ sở, nâng công suất chế

biến lên 1000 tấn sản phẩm/ngày vào năm 2000 và 1500 tấn sản phẩm/ngày vào năm 2005; đồng thời đẩy mạnh việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, phấn đấu đến năm 2001 các cơ sở chế biến thủy sản đều được áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và chất lượng sản phẩm xuất khẩu;

- Mở rộng chủng loại và khối lượng các mặt hàng thủy sản chế biến có giá trị gia tăng, đưa tỷ trọng mặt hàng có giá trị gia tăng từ 17,5% hiện nay lên 25% đến 30% vào năm 2000 và 40% đến 45% vào năm 2005.

- Nâng tỷ trọng xuất khẩu các mặt hàng thủy sản tươi sống từ 4% đến 5% trong tổng sản phẩm xuất khẩu hiện nay lên 10% vào năm 2000 và 14% đến 16% vào năm 2005.

III. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Về giống:

a) Giống tôm:

Sắp xếp lại các cơ sở sản xuất giống tôm gắn với công nghệ sản xuất tôm giống sạch bệnh, giá thành hạ, đi đôi với nhập tôm giống, tôm bố mẹ để bổ sung; nuôi dưỡng thuần hóa tôm bố mẹ nhập ngoại và khai thác tự nhiên để đảm bảo có từ 5 đến 6 tỷ tôm giống, chủ yếu là tôm sú vào năm 2000 và 15 đến 16 tỷ tôm giống vào năm 2005, đáp ứng đủ nhu cầu về tôm giống và tôm bố mẹ cho nuôi trồng hàng năm, đặc biệt cho các vùng nuôi thâm canh và nuôi công nghiệp quy mô lớn.

b) Giống cá:

Mở rộng việc nhập giống và nhập công nghệ sản xuất giống cá biển và giống thủy đặc sản ở quy mô công nghiệp, đồng thời thực hiện chính sách khuyến khích các doanh nghiệp nước ngoài đầu tư sản xuất giống cá biển tại Việt Nam để có khả năng sản xuất 5 đến 6 triệu con giống/năm vào năm 2000 và 8 đến

10 triệu con giống/năm vào năm 2005. Mặt khác, đầu tư hoàn thiện các trung tâm nghiên cứu giống hải sản ở một số vùng trọng điểm; xây dựng mới và khôi phục, nâng cấp một số trại sản xuất giống cá, giống đặc sản phục vụ nuôi xuất khẩu ở một số địa phương thuộc miền Bắc, miền Trung và Nam Trung bộ.

c) Bảo tồn giống:

Nghiên cứu xây dựng đề án nuôi dưỡng và bảo tồn các loài giống thủy sản bố mẹ, giống gốc tại các Viện nghiên cứu và vùng trọng điểm nuôi thủy sản; có biện pháp bảo tồn giống tự nhiên.

2. Về thức ăn cho thủy sản:

Đầu tư xây dựng một số cơ sở sản xuất thức ăn cho thủy sản theo công nghệ mới nhằm tăng cường chất lượng thức ăn và hạ giá thành, đảm bảo vệ sinh và phòng chống dịch bệnh cho vật nuôi, đáp ứng nhu cầu về thức ăn công nghiệp cho nuôi thủy sản.

3. Về thị trường:

Bộ Thủy sản chủ trì, phối hợp chặt chẽ với các Bộ Thương mại, Ngoại giao trong công tác xúc tiến thương mại và tăng cường công tác thông tin thị trường, tăng cường đào tạo cán bộ thị trường và tiếp thị chuyên nghiệp ở các doanh nghiệp, để giữ vững và ổn định thị trường truyền thống, đặc biệt là thị trường Nhật Bản, đồng thời mở rộng hơn nữa các mặt hàng Việt Nam có khả năng phát triển để xuất ra các thị trường lớn như: Liên minh Châu Âu (EU), Mỹ, Trung Quốc...; giảm tỷ trọng các thị trường trung gian, tăng nhanh tỷ trọng các thị trường tiêu thụ trực tiếp, cụ thể là:

- Đối với thị trường Nhật Bản cần tăng tỷ trọng các mặt hàng thủy sản tinh chế và hàng phối chế đóng gói nhỏ cho siêu thị, tôm sống, cá ngừ tươi và đông và các đặc sản khác, đưa tỷ trọng các mặt hàng thủy sản xuất khẩu vào thị trường Nhật Bản chiếm từ 38% đến 40% trong tổng sản phẩm xuất

khẩu và giá trị kim ngạch xuất khẩu đạt từ 760 triệu đến 800 triệu USD vào năm 2005.

- Đối với thị trường Bắc Mỹ và Châu Á (kể cả thị trường Trung Quốc); xúc tiến việc công nhận lẫn nhau giữa Việt Nam và Mỹ về kiểm soát và chứng nhận chất lượng hàng thủy sản; bàn đề thỏa thuận cơ chế thanh toán chính thức và mở rộng thị trường chính ngạch với Trung Quốc, nhất là với các tỉnh phía Tây Nam và Đông Bắc của Trung Quốc, cố gắng đưa tỷ trọng hàng thủy sản xuất khẩu vào thị trường Châu Á từ 20% đến 22%, thị trường Bắc Mỹ từ 16% đến 18% trong tổng sản phẩm xuất khẩu; giá trị kim ngạch xuất khẩu vào hai thị trường này đạt từ 720 triệu đến 800 triệu USD vào năm 2005.

- Đối với thị trường khối liên minh Châu Âu (EU) và một số thị trường mới khác ngoài các thị trường trên đây, cần nâng cao hơn nữa chất lượng sản phẩm đáp ứng theo yêu cầu của các thị trường này, phấn đấu đưa tỷ trọng các mặt hàng thủy sản xuất khẩu vào EU đạt từ 12% đến 16% và vào các thị trường khác từ 8% đến 10% trong tổng sản phẩm xuất khẩu, tổng giá trị kim ngạch xuất khẩu vào các thị trường này đạt từ 400 triệu đến 520 triệu USD vào năm 2005.

Về Quỹ hỗ trợ phát triển xuất khẩu thủy sản Bộ Thủy sản cùng với Bộ Tài chính và các Bộ, ngành liên quan căn cứ vào các quy định chung về Quỹ hỗ trợ xuất khẩu được ban hành để hướng dẫn thực hiện.

4. Về khoa học, công nghệ:

Bộ Thủy sản chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường và các Bộ, ngành có liên quan trong việc tập trung nghiên cứu công nghệ cao về di truyền, chọn giống, nhân giống, công nghệ sinh học, công nghệ xử lý môi trường, công nghệ chuẩn đoán phòng trừ dịch bệnh, công nghệ chế biến, bảo quản sau thu hoạch. Khuyến khích các doanh nghiệp nhập khẩu các bí quyết công

www.ThuVienPhapLuac.com
Tel: +84-8-38456681

nghe, công nghệ cao từ các nước phát triển; đầu tư nghiên cứu ứng dụng các công nghệ mới về nuôi trồng, khai thác và chế biến xuất khẩu.

5. Về đổi mới quan hệ sản xuất và đào tạo cán bộ:

- Tiếp tục sắp xếp và đổi mới các doanh nghiệp nhà nước về chế biến thủy sản theo hướng đẩy mạnh cổ phần hóa.

- Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư vào phát triển thủy sản. Khuyến khích hộ gia đình và cá nhân xây dựng trang trại nuôi trồng thủy sản; phát triển các loại hình kinh tế hợp tác trong việc chế biến thức ăn, nuôi trồng, khai thác và chế biến thủy sản xuất khẩu;

- Tăng cường và mở rộng hình thức đào tạo trong và ngoài nước cho cán bộ nghiên cứu, cán bộ quản lý và kỹ thuật về công nghệ mới trong sản xuất giống, nuôi cao sản, khai thác, bảo quản sau thu hoạch và về quản lý chuyên ngành, đồng thời tăng cường đào tạo công nhân kỹ thuật về nuôi, khai thác, bảo quản, chế biến và nhân viên tiếp thị.

6. Chính sách đầu tư:

a) Vốn ngân sách nhà nước đầu tư vào:

- Xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ nuôi trồng thủy sản tại các vùng nuôi tập trung gồm đê bao, kênh cấp và thoát nước cấp 1, cống và trạm bơm lớn; cảng cá và cơ sở hạ tầng kỹ thuật trong hệ thống cảng cá, chợ cá quốc gia ở các vùng trọng điểm nghề cá của cả nước;

- Xây dựng hệ thống trại giống quốc gia;

- Nghiên cứu và phát triển công nghệ sản xuất thức ăn, nuôi trồng, khai thác và chế biến xuất khẩu; xây dựng cơ sở nghiên cứu sản xuất thuốc phòng trị bệnh cho thủy sản; xây dựng cơ sở và trang thiết bị phục vụ việc kiểm dịch và kiểm tra chất lượng hàng thủy sản; điều tra và bảo vệ, phát triển nguồn lợi thủy sản; nhập khẩu công nghệ

mới để nâng cao chất lượng sản phẩm từ khâu sản xuất đến chế biến; mở rộng và nâng cao chất lượng công tác khuyến ngư.

- Đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ phục vụ chương trình phát triển xuất khẩu thủy sản.

b) Vốn tín dụng ưu đãi đầu tư theo kế hoạch nhà nước tập trung vào:

Xây dựng trại giống cấp cơ sở; ao, kênh mương cấp 2 phục vụ cấp, thoát nước cho nuôi trồng thủy sản; xây dựng cơ sở sản xuất thức ăn cho thủy sản, phương tiện khai thác thủy sản, thiết bị kỹ thuật phục vụ nuôi thủy sản; nhà máy sản xuất nước đá phục vụ bảo quản và chế biến thủy sản xuất khẩu; xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, các cơ sở chế biến thủy sản xuất khẩu và chợ cá địa phương...

7. Chính sách thuế:

Các tổ chức, cá nhân thuộc các thành phần kinh tế tham gia thực hiện Chương trình phát triển xuất khẩu thủy sản được hưởng các ưu đãi về thuế theo quy định của Luật Khuyến khích đầu tư trong nước và các quy định hiện hành.

8. Về hợp tác đầu tư nước ngoài:

- Khuyến khích việc liên doanh với các nhà đầu tư nước ngoài để đầu tư nuôi trồng thủy sản, sản xuất thức ăn và phát triển giống nuôi thủy sản, đổi mới công nghệ nuôi, công nghệ khai thác và chế biến thủy sản xuất khẩu;

- Bộ Thủy sản phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các Bộ, ngành có liên quan trong việc tranh thủ nguồn tài trợ của các nước và các tổ chức quốc tế để có thêm nguồn vốn cho chương trình phát triển xuất khẩu thủy sản, trước mắt ưu tiên cho các dự án về nuôi trồng thủy sản cung cấp nguyên liệu cho xuất khẩu.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Chương trình xuất khẩu thủy sản được thực hiện

www.ThuVienPhapLuat.com
Tel: +84-8-3845 6684

thông qua các chương trình cụ thể của địa phương, trên cơ sở các dự án được duyệt.

Nhiệm vụ chủ yếu của các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong việc thực hiện chương trình xuất khẩu thủy sản được quy định như sau:

1. Bộ Thủy sản là cơ quan chỉ đạo và tổ chức thực hiện chương trình xuất khẩu thủy sản có trách nhiệm:

- Hướng dẫn việc xây dựng chương trình xuất khẩu thủy sản của địa phương trên cơ sở cụ thể hóa chương trình xuất khẩu thủy sản của cả nước; xây dựng kế hoạch đầu tư và các dự án cụ thể để thực hiện chương trình, đồng thời tổng hợp và trình duyệt theo quy định;

- Bổ sung, cụ thể hóa các giải pháp thực hiện chương trình. Tổng kết các mô hình tốt ở các tỉnh để phổ biến rộng rãi trong cả nước;

- Xây dựng đề án về quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm và an toàn dịch bệnh cho vật nuôi thủy sản, trình Thủ tướng Chính phủ;

- Xây dựng các tiêu chuẩn nhà nước và tiêu chuẩn ngành về điều kiện sản xuất, an toàn vệ sinh đối với các cơ sở chế biến thủy sản, các cảng cá, chợ cá; xây dựng các cơ chế chính sách... để trình duyệt và chỉ đạo việc áp dụng thực hiện, nhằm tạo điều kiện thuận lợi và đơn giản về thủ tục cho việc triển khai thực hiện chương trình;

- Củng cố và tăng cường năng lực hoạt động của các cơ quan nghiên cứu khoa học và cơ quan nhà nước có thẩm quyền về kiểm tra và chứng nhận an toàn vệ sinh thủy sản.

2. Các Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Thương mại, Lao động - Thương binh và Xã hội, Ngoại giao, Ngân hàng nhà nước và các Bộ, ngành có liên quan tham gia và phối hợp với Bộ Thủy sản trong việc xây dựng kế hoạch đầu tư hàng năm; xây dựng và cụ

thể hóa các cơ chế chính sách, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai thực hiện chương trình.

3. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (nơi có sản xuất và xuất khẩu thủy sản) có trách nhiệm xây dựng chương trình phát triển xuất khẩu thủy sản của địa phương, phù hợp với chương trình xuất khẩu thủy sản chung của cả nước và có ý kiến thống nhất của Bộ Thủy sản; cân đối ngân sách địa phương, giành phần vốn thích hợp cùng với nguồn vốn của trung ương để thực hiện chương trình; chỉ đạo xây dựng các dự án cụ thể để trình duyệt theo quy định, đồng thời tổ chức chỉ đạo thực hiện chương trình ở địa phương; sơ kết, tổng kết và báo cáo kết quả thực hiện.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày ký.

Bộ Thủy sản chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan hướng dẫn và chỉ đạo thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có sản xuất và xuất khẩu thủy sản chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

KT. Thủ tướng Chính phủ
Phó Thủ tướng

NGUYỄN CÔNG TẬN

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ
số 1155/QĐ-TTg ngày 26/12/1998
về việc bổ sung kinh phí khắc phục
hậu quả bão, lụt và sạt lở bờ sông,
bờ biển.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;